

Số: 30/2024/QĐST-HNGĐ

Than Uyên, ngày 02 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 6 năm 2024.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 57/2024/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Vàng Thị Đ - Sinh năm: 2000;

Địa chỉ: Bản Đ, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu.

2. Anh Vàng Văn S - Sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Bản Đ, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S tự do tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện từ năm 2019, đăng ký kết hôn ngày 04/11/2019 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2019 của UBND xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu cấp cho chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S, xác định hôn nhân của anh sinh, chị Đ là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn anh chị sống chung hạnh phúc được một thời gian, khoảng tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh chị không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân từ đó cho đến nay.

Ngày 03/6/2024 chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S cùng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên công nhận chị Đ và anh S thuận tình ly hôn. Kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ.

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/6/2024 giữa chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S xác định chị Đ và anh S thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S có 01 con chung chưa thành niên là Vàng Thanh T, sinh ngày 22/10/2019 anh S, chị Đ thỏa thuận: Chị Vàng Thị Đ là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vàng Thanh T cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S tự thỏa thuận với nhau về phần cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét thấy thỏa thuận về nuôi con, sau khi ly hôn của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên do vậy cần xem xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét thấy các đương sự tự nguyện ly hôn, hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con con chung chưa thành niên khi ly hôn và không yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung. Sự thỏa thuận của các đương sự đã bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Vàng Thị Đ là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vàng Thanh T, sinh ngày 22/10/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vàng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vàng Văn S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống chung với chị Vàng Thị Đ. Chị Vàng Thị Đ có quyền yêu cầu anh Vàng Văn S cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Vàng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay chung: Chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) trong đó người yêu cầu là chị Vàng Thị Đ và anh Vàng Văn S mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Vàng Văn S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí cho cả phần chị Vàng Thị Đ phải chịu. Anh Vàng Văn S đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo Biên lai số 0000820 ngày 03/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Nay số tiền đã nộp chuyển thành Lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- CCTHADS huyện Than Uyên;
- UBND xã Hua Nà, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đoàn Trung Phước